

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/DS-PT
Ngày 30 - 7 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2017/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn Đ (Đ1), sinh năm 1930.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn Đ (Đ1): Ông Phan Văn Đ2, sinh năm 1969, địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2017, có mặt).

- Đồng bị đơn: Ông Dương Thanh M, sinh năm 1954 (có mặt)

Ông Lê Văn H, sinh năm 1953 (có mặt).

Bà Dương Thị T1, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Đức T2, sinh năm 1983

2. Anh Lê Đức L, sinh năm 1986
3. Anh Lê Văn D, sinh năm 1989
4. Anh Lê Văn Đ3, sinh năm 1993
5. Anh Lê Văn M1, sinh năm 1995
6. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1931
7. Ông Dương Thanh T3, sinh năm 1977
8. Chị Trần Thị T4, sinh năm 1979
9. Chị Dương Thị G, sinh năm 1980
10. Chị Dương Thị L, sinh năm 1983
11. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B, ông Dương Thanh T3, chị Trần Thị T4, chị Dương Thị G, chị Lương Thị L1, bà Lê Thị Q: Ông Dương Thanh M, sinh năm 1954 (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2018, có mặt)

12. Bà Chu Thị H1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số O, phường A, Quận N, thành phố Cần Thơ.

13. Ông Hoàng Xuân H2, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khóm O1, phường A1, thành phố B1, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Xuân H2, bà Chu Thị H1: Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1956, địa chỉ: ấp P1, xã Đ2, huyện C1, tỉnh Hậu Giang (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2017, có mặt)

14. Ông Trần Văn H3, sinh năm 1961 (vắng mặt)
15. Bà Hồ Lý Ngọc Thanh V1, sinh năm 1973 (vắng mặt)
16. Chị Trần Hồ Thanh H4, sinh năm 1995 (vắng mặt)
17. Chị Trần Hồ Thanh N1, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm O2, phường Z, thị xã G1, tỉnh Bạc Liêu.

18. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: ấp O3, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Minh P2 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt ngày 20/7/2018).

19. Quỹ tín dụng nhân dân C.

Địa chỉ: ấp C1, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Văn Đ3- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thái Văn Đ3: Ông Trần Duy N2, sinh năm 1981 - Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị – Trưởng phòng kinh doanh (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X2, xã Y, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

20. Bà Lê Thị N3, sinh năm 1935 (chết).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N3:

20.1. Ông Phan Văn D1, sinh năm 1950

Địa chỉ: Số O3, đường Q, phường H5, quận N, thành phố Cần Thơ.

20.2. Bà Phan Thị Kim E, sinh năm 1959

20.3. Bà Phan Kim T5, sinh năm 1961

20.4. Ông Phan Văn Đ2, sinh năm 1969

20.5. Ông Phan Văn K, sinh năm 1967

20.6. Ông Phan Văn Đ4, sinh năm 1972

20.7. Bà Phan Hồng T6, sinh năm 1976

20.8. Bà Phan Hồng T7, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

20.9. Ông Phan Thanh L2, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp X3, xã Y, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn D1, bà Phan Thị Kim E, bà Phan Kim T5, ông Phan Thanh L2, ông Phan Văn K, ông Phan Văn Đ4, bà Phan Hồng T6, bà Phan Hồng T7: Ông Phan Văn Đ2, sinh năm 1969, địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/9/2017, 11/9/2017, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phan Văn Đ, bị đơn ông Lê Văn H.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Phan Văn Đ2 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn Đ (Đ1) và là đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn D1, bà Phan Thị Kim E, bà Phan Kim T5, ông Phan Thanh L2, ông Phan Văn K, ông Phan Văn Đ4, bà Phan Hồng T6, bà Phan Hồng T7 trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông Phan Văn Đ yêu cầu ông Dương Thanh M phải di dời nhà đi nơi khác và giao trả lại toàn bộ phần đất thổ cư và

vườn tạp diện tích là 570m². Yêu cầu ông Lê Văn H và bà Dương Thị T1 phải di dời nhà đi nơi khác và giao trả lại toàn bộ phần đất thổ cư diện tích là 144m² cho ông. Cả hai phần đất trên tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Về nguồn gốc đất: Năm 1967, ông Đ có chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn V2 10 công tầm cây đất nông nghiệp, cấp với Quốc lộ 1A. Đến năm 1985, ông cho ông M và mẹ vợ ông M là bà Nguyễn Thị B mượn một phần đất thổ cư để ở, sau đó khoảng một tháng ông tiếp tục cho bà Lê Thị C2 (mẹ ruột ông M và bà Dương Thị T1 em ông M) mượn thêm một phần đất cấp ranh với đất ông M và sử dụng cho đến nay. Hiện ông Dương Thanh M và ông Lê Văn H (chồng bà T1) đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông đã cho mượn vào năm 1985. Nay ông yêu cầu ông M, ông H, bà T1 trả đất lại cho ông.

Bên cạnh đó ông yêu cầu Tòa án xem xét, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Thanh M và ông Lê Văn H. Qua đo đạc xác định được một phần diện tích đất tranh chấp hiện nay do vợ chồng ông Hoàng Xuân H2 đang quản lý, sử dụng (nguồn gốc do ông M chuyển nhượng cho ông Trần Văn H3, sau đó ông H3 chuyển nhượng cho vợ chồng ông H2) thì ông cũng yêu cầu Tòa án xem xét đến trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông H2 vì ông cho rằng đất đang tranh chấp nhưng lại phát sinh giao dịch chuyển nhượng là không hợp lệ.

Bị đơn ông Dương Thanh M và cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, ông Dương Thanh T3, chị Trần Thị T4, chị Dương Thị G, chị Lương Thị L1, bà Lê Thị Q, trình bày: Năm 1967, ông nội ông là cụ Dương Văn L3 mua của cụ Thái Thị U một cái nhà và đất cấp ranh với phần đất của ông Đ (Đ1), sau đó thì cụ L3, cha của ông là cụ L4 và mẹ ông là cụ C2 cùng sinh sống trên phần đất này. Đến năm 1981, ông có đổi với ông Đ một phần đất cách nhà ông Đ khoảng 30m để sinh sống cho đến nay (là phần đất hiện đang tranh chấp) và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong phần đất ông Đ đang tranh chấp thì ông đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn H3 phần đất có chiều ngang 09m, chiều dài 30m. Phần đất này ông H3 đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Hoàng Xuân H2.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu đòi lại đất vì cho rằng trước đây ông Đ cho ông mượn thì ông không thống nhất và không đồng ý đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông.

Bị đơn ông Lê Văn H và bà Dương Thị T1, bà T1 cũng là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của anh Lê Đức T2, anh Lê Đức L, anh Lê Văn D, anh Lê Văn Đ3, anh Lê Văn M1 trình bày: Năm 1983, cụ C2 có kêu ông H và bà T1 về gần nhà ông M để sinh sống, sau đó mới nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn Đ một phần đất để cất nhà ở. Ông Đ là người chỉ ranh để vợ chồng bà cất nhà sinh sống cho đến nay. Vợ chồng bà là người trực tiếp trả cho ông Đ bằng 200.000 đồng. Hiện nay vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang thế chấp vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân C. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì ông, bà không

đồng ý nên đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận của ông Đ thì cũng không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H3 trình bày: Vào năm 2003, ông có nhận chuyển nhượng một phần đất của ông Dương Thanh M ở ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích nhận chuyển nhượng là 267,3m², giá chuyển nhượng là 240.000.000 đồng và ông được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5797/QĐUB.B, ngày cấp 05/11/2003. Đến năm 2015, ông có chuyển nhượng diện tích đất nói trên cho ông Hoàng Xuân H2 và bà Chu Thị H1 sử dụng. Việc chuyển nhượng đều tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục luật định. Khi ông mua đất của ông M và chuyển nhượng đất cho ông H2 thì ông không biết diện tích đất này đang phát sinh tranh chấp. Nay thực tế ông không còn sử dụng đất nên ông cho rằng mình không liên quan gì trong vụ án nên không có ý kiến gì đối với sự việc tranh chấp trên.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Xuân H2, bà Chu Thị H1 là ông Trần Ngọc P trình bày: Ông Hoàng Xuân H2, bà Chu Thị H1 nhận chuyển nhượng đất (hiện nay là đất tranh chấp) vào năm 2015 từ ông Trần Văn H3. Khi mua đất không có đo đạc thực tế mà chỉ làm thủ tục để chuyển giao quyền sử dụng đất với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Trần Văn H3 đứng tên. Giao dịch chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông bà và ông H3 đều tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Khi nhận chuyển nhượng đất, ông bà không hay biết việc phân đất ông bà chuyển nhượng đang phát sinh tranh chấp giữa ông Phan Văn Đ (Đ1) và ông Dương Thanh M.

Sau khi chuyển nhượng đất ông bà đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB122683, tại thửa 1975, tờ bản đồ số 16, diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 267,3m² vào ngày 07/10/2015.

Đối với yêu cầu xem xét lại trình tự thủ tục cấp giấy cho ông bà của nguyên đơn ông Phan Văn Đ thì ông bà không đồng ý vì ông bà nhận chuyển nhượng đất và được cấp giấy là đúng theo quy định của pháp luật. Nay ông bà mới biết được sự việc tranh chấp giữa ông Đ và ông M thì ông bà có kiến như sau: Việc ông bà nhận chuyển nhượng đất là ngay tình, hợp pháp. Nếu trường hợp đất này là của ông M thì ông bà tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất đã nhận chuyển nhượng từ ông H3. Trường hợp Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông bà yêu cầu ông H3 trả lại giá trị đất theo thị trường và tính lãi đối với số tiền trên từ thời điểm ông bà giao đủ tiền chuyển nhượng đất trước đây cho ông Trần Văn H3 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Ngày 04/7/2017 ông Hoàng Xuân H2, bà Chu Thị H1 có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của ông H2, bà H1 và ông bà được sử dụng ổn định. Lý do việc mua bán trên là ngay tình, đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu trình bày:

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Thanh M vào năm 2003 đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai năm 1993. Tuy nhiên khi đo đạc thực tế để cấp giấy cho ông M thì các hộ giáp ranh gồm 3 hộ là ông Lê Văn H, bà Nguyễn Hồng T8 có ký tên giáp ranh, riêng chỉ có ông Phan Văn Đ là không có ký tên giáp ranh. Trong trường hợp không có ký tên giáp ranh là có sự sai sót, nhưng ảnh hưởng không lớn đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn H, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H năm 1997, không có đo đạc thực tế, chỉ trích lục từ bản đồ địa chính thành lập năm 1997. Trình tự thủ tục đúng theo quy định của luật đất đai năm 1993.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn H3 năm 2003 có thể hiện số đo, tứ cận, thủ tục cấp giấy chứng nhận theo thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Việc chuyển nhượng giữa ông M và ông H3 là đúng quy định nên đến năm 2015, ông H3 chuyển nhượng cho ông vợ chồng ông Hoàng Xuân H2, thời điểm này Ủy ban nhân dân chứng thực hợp đồng chuyển nhượng giữa ông H3, ông H2 đảm bảo đúng quy định, trình tự thủ tục quy định. Nếu hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại các văn phòng công chứng thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất sẽ lấy phiếu xác minh có việc tranh chấp đất hay không. Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông H3 và ông H2 thì được Ủy ban nhân dân thị trấn C chứng thực nên không cần lấy phiếu xác minh đất tranh chấp hay không, vì Ủy ban nhân dân thị trấn là cơ quan quản lý đất tại địa phương nên sẽ biết có hay không việc tranh chấp đất do vậy không cần lấy phiếu xác minh đất có tranh chấp hay không.

Xét trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Thanh M, ông Lê Văn H, ông Trần Văn H3 và ông Hoàng Xuân H2 là đảm bảo đúng trình tự thủ tục nên không đồng ý việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông Đ. Nếu Tòa án xem xét có các chứng cứ khác không đảm bảo cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự trên thì Tòa án Quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Quỹ tín dụng nhân dân C trình bày:

Vào ngày 04/11/2015, ông Lê Văn H và bà Dương Thị T1 có ký hợp đồng tín dụng vay vốn số tiền là 10.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 1,1%/tháng. Mục đích sử dụng tiền vay là để sản xuất nông nghiệp và nuôi heo. Thời hạn vay là 11 tháng. Ngày 04/10/2016 là ngày đến hạn trả nợ. Ông H, bà T1 đã thanh toán xong khoản nợ trên. Tuy nhiên, sau khi đáo hạn hợp đồng, ngày 23/12/2016, ông H và bà T1 vay lại số tiền 10.000.000 đồng. Lãi suất 1,2%/tháng. Mục đích vay tiền là để sản xuất nông nghiệp. Thời hạn vay là 12 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 23/12/2017. Tạm tính đến ngày hòa giải (21/7/2017), ông H, bà T1 còn nợ Quỹ tín dụng tổng số tiền 10.628.000 đồng, trong đó tiền vay gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 628.000 đồng.

Nay, tuy khoản vay trên chưa đến ngày thanh toán nhưng do ông H, bà T1 và nguyên đơn ông Phan Văn Đ phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất Quỹ tín dụng có ý kiến nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì Quỹ tín dụng yêu cầu ông H, bà T1 thanh toán cho Quỹ tín dụng khoản nợ vay kèm lãi suất phát sinh cho đến khi tất toán hợp đồng tín dụng. Nếu kết quả giải quyết vụ án của Tòa án không làm ảnh hưởng đến tài sản ông H và bà T1 thế chấp tại Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng sẽ tiếp tục thực hiện hợp đồng với ông H, bà T1.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ đối với ông Dương Thanh M và ông Lê Văn H, bà Dương Thị T1 đòi lại phần đất với diện tích thực tế là 519,5m và 139,3m².

2. Buộc ông Lê Văn H và bà Dương Thị T1 và các thành viên trong hộ gia đình ông H gồm anh Lê Đức T2, anh Lê Đức L, anh Lê Văn D, anh Lê Văn Đ3, anh Lê Văn M1 cùng có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn Đ (ông Đ đại diện Hộ gia đình nhận) giá trị phần đất diện tích 139,3m² với số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng). (Có tuyên tứ cạnh).

Diện tích 139,3m² nằm tại thửa số 1302 tờ bản đồ số 16 do hộ ông Lê Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy ngày 30/3/2003.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ đối với ông Dương Thanh M đòi lại phần đất với diện tích thực tế là 519,5m².

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn Đ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Thanh M số vào sổ cấp giấy 04225/QSDĐ/5481/2003 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 21/10/2003. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn H số O 520924 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 30/03/2000. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Xuân H2 và bà Chu Thị H1 số CB 122683 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 07/10/2015.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hoàng Xuân H2 và bà Chu Thị H1 đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Trần Văn H3 tại thửa đất số 1975, tờ bản đồ số 16, diện tích 247,7m². Công nhận phần đất trên cho ông Hoàng Xuân H2 và bà Chu Thị H1.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định tại chỗ, án phí, lãi suất, áp dụng Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2017, ông Phan Văn Đ kháng cáo yêu cầu xem xét việc Tòa án sơ thẩm buộc ông H và bà T1 phải giao trả giá trị đất lại cho ông thì ông yêu cầu định giá lại theo giá thị trường để trả giá trị tương ứng cho ông. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông đối với ông Dương Thanh M, buộc ông M trả lại cho ông toàn bộ diện tích 519,5m² theo đo đạc của Tòa

án. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Dương Thanh M cấp ngày 21/10/2003; ông Hoàng Xuân H2, bà Chu Thị H1 cấp ngày 07/10/2015.

Ngày 26/9/2017 ông Lê Văn H kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Ông H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông trả lại diện tích đất tranh chấp và không đồng ý trả cho ông Phan Văn Đ số tiền 330.000.000 đồng.

Ngày 18/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định kháng nghị số 15/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/10/2017 và bản đính chính Quyết định kháng nghị số 61/VKS – P9 ngày 23/10/2017 kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí, không buộc nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông Phan Văn Đ, ông Lê Văn H và bà Dương Thị T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn Đ2, bị đơn ông Lê Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Văn Đ về việc buộc ông H và bà T1 có nghĩa vụ trả cho ông Đ giá trị thành tiền của đất tranh chấp theo biên bản định giá ngày 21/3/2018, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ đòi ông M trả đất, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của ông Phan Văn Đ về việc yêu cầu ông M trả cho ông phần diện tích đất 570m² (đất qua đo đạc thực tế là 519,5m²). Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Đ và ông M đều thống nhất xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn V2. Ông Đ cho rằng ông V2 chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho ông, đến năm 1985 thì ông cho ông M và mẹ vợ ông M (bà Nguyễn Thị B) mượn để cất nhà ở. Chứng cứ ông Đ cung cấp là giấy xác nhận ngày 20 tháng 6 năm 2000 của ông Nguyễn Văn T9 (Bút lục 50) xác định vào tháng 3 năm 1967 ông V2 có rủi ông đến nhà ông Đ để chứng kiến việc ông V2 chuyển nhượng đất của ông Đ. Ngoài ra, ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc có nhận chuyển nhượng đất tranh chấp từ ông V2.

[3] Ông M cho rằng do diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà Thái Thị U hơi nhỏ và phần đất này cạnh nhà ông Đ và ông Đ cũng có nhu cầu mở rộng

đất của gia đình nên ông đòi đất với ông Đ. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 20 tháng 02 năm 2001 của bà Thái Thị U (BL 90) xác định phần đất tranh chấp vào năm 1961 bà được ông V2 cho bà ở đậu đến khoảng năm 1964 bà về Cái Dầy ở và bà chỉ bán cụ L4 một cái nhà trên phần đất ông V2 cho ở đậu với giá 20.000 đồng, chứ không bán đất.

[4] Thấy rằng ông Đ cho rằng phần đất tranh chấp ông Đ nhận chuyển nhượng từ ông V2 thì chỉ có lời xác nhận của ông T9 chứng minh cho phần trình bày này, vợ chồng ông V2 đều đã chết. Ông Đ xác định có cho gia đình ông M ở nhờ trên đất thì có cung cấp chứng cứ là lời khai của Nguyễn Trí H5 (BL 45) và lời khai ông Tạ Quang C3 (BL 47). Tuy nhiên, trong suốt tiến trình tố tụng thì ông M đều tự thừa nhận là ông M đòi phần đất mà gia đình ông sang nhượng của bà Thái Thị U đòi lấy phần đất của ông Đ, tức ông M tự thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đ. Ông Đ không thừa nhận đòi đất với ông M. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông Đ về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông Phan Văn Đ nhận chuyển nhượng từ ông V2 là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông M cho rằng ông đòi đất với ông Đ nhưng ông Đ giao cho ông sử dụng phần đất của ông V2 chứ không phải của ông Đ là ông M tự mâu thuẫn trong lời khai của ông và ông cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này nên không có cơ sở chấp nhận lời khai này. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn Đ về việc buộc ông M trả cho ông Đ diện tích đất 519,5m².

[5] Xét kháng cáo của ông Lê Văn H không đồng ý trả giá trị đất cho ông Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự đều thống nhất đất tranh chấp giữa ông H, bà T1 với ông Đ có nguồn gốc là của vợ chồng ông Đ, bà N3. Về phía ông H, bà T1 xác định bà N3 đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất tranh chấp này cho vợ chồng ông bà vào năm 1985 với giá 20 gia lúa. Tuy nhiên, ông H, bà T1 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc có nhận chuyển nhượng phần diện tích đất tranh chấp từ bà N3, ông Đ và ông Đ, bà N3 cũng không thừa nhận có chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông H, bà T1. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi lại của ông Đ đối với ông H, bà T1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H.

[6] Phần đất tranh chấp hiện hộ gia đình ông M và ông H, bà T1 đã cất nhà ổn định, xây dựng các công trình khác gắn liền với đất nên cần buộc hộ ông M và ông H, bà T1 có trách nhiệm trả giá trị đất cho ông Đ. Do phần đất tranh chấp thì hộ ông M và ông H, bà T1 có công giữ gìn, tôn tạo trong thời gian dài nên cần xem xét cho hộ ông M và ông H, bà T1 được hưởng 20% giá trị phần đất tranh chấp là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của các bên. Theo biên bản định giá ngày 21/3/2018, đất tranh chấp có giá là 3.000.000 đồng/m². Như vậy, số tiền hộ ông M phải hoàn trả giá trị cho ông Đ là 519,2m² x 3.000.000 = 1.557.600.000 đồng x 80% = 1.246.080.000 đồng; số tiền ông H và bà T1 phải trả cho ông Đ là 139,3m² x 3.000.000 đồng = 417.900.000 đồng x 80% = 334.320.000 đồng.

[7] Xét kháng cáo của ông Phan Văn Đ về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Dương Thanh M cấp ngày 21/10/2003 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Xuân H2, bà Chu Thị H1 cấp ngày 07/10/2015. Hội đồng xét xử thấy rằng: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ và buộc ông M trả lại giá trị đất tranh chấp cho ông Đ nên cần công nhận phần đất tranh chấp cho hộ ông M, không cần thiết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M đối với phần đất tranh chấp. Ngoài ra, việc ông Hoàng Xuân H2, bà Chu Thị H1 nhận chuyển nhượng đất của ông M là công khai, ngay tình nên được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hơn nữa, yêu cầu đòi đất của ông Đ được chấp nhận nhưng ông M chỉ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Đ, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp của ông Hoàng Xuân H2 và bà Chu Thị H1 nên cũng không cần thiết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Xuân H2, bà Chu Thị H1. Vậy nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ đối với ông M; ông Hoàng Xuân H2 và bà Chu Thị H1.

[8] Xét yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân C thấy rằng: Hiện nay ông Lê Văn H đã trả nợ Quỹ tín dụng xong nên sửa án sơ thẩm phần buộc ông H trả nợ. Đối với Hợp đồng tín dụng của ông Dương Thanh M, do Hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản ký kết vào thời điểm Tòa án sơ thẩm đã xét xử xong và việc Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc ông M phải trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Đ không làm ảnh hưởng đến hợp đồng tín dụng mà ông M đã ký kết với Quỹ tín dụng nhân dân C nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân C. Trong trường hợp quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân C bị ảnh hưởng thì Quỹ tín dụng nhân dân C có thể khởi kiện thành một vụ kiện độc lập khác (nếu có yêu cầu).

[9] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Lê Văn H và bà Dương Thị T1 phải chịu 16.500.000 đồng; ông Phan Văn Đ phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tổng cộng là 29.171.800 đồng là không đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/06/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án quy định: *“Trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch”*. Do đó, ông M chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000 đồng. Ông H và bà T1 cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000 đồng.

[10] Đối với số tiền án phí của bản án dân sự sơ thẩm số 06/2001/DS - ST ngày 15/3/2001 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu và Bản án dân sự phúc thẩm số 66/2001/DS - PT ngày 24/9/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ các bản án nêu trên đã được Cơ quan thi hành án thi hành hay chưa là chưa đúng quy định pháp luật. Căn cứ Công văn số 153/BC-CCTHADS ngày 09/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V,

tỉnh Bạc Liêu thì đã thi hành xong án phí ông Phan Văn Đ nộp 921.000 đồng. Về các khoản hoàn trả: Chưa hoàn trả cho ông Dương Thanh M số tiền tạm ứng án phí 50.000 đồng theo biên lai thu số 001130 ngày 26/3/2001, ông Lê Văn H và bà Dương Thị T1 số tiền tạm ứng án phí 50.000 đồng theo biên lai thu số 001131 ngày 26/3/2001 cùng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H6, tỉnh Bạc Liêu. Cũng như số tiền ông Hoàng Xuân H2, bà Chu Thị H1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004345 ngày 11 tháng 07 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập giải quyết số tiền tạm ứng án phí của ông Hoàng Xuân H2, bà Chu Thị H1 là thiếu sót. Do đó, cấp phúc thẩm rút kinh nghiệm cấp sơ thẩm nội dung này.

[11] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 3.000.000 đồng. Buộc ông M phải chịu 1.500.000 đồng; ông H và bà T1 cùng phải chịu 1.500.000 đồng. Ông Đ đã nộp 2.000.000 đồng, ông H đã nộp 1.000.000 đồng nên buộc ông M phải hoàn trả cho ông Đ 1.500.000 đồng, ông H và bà T1 cùng phải trả cho ông Đ 500.000 đồng.

[12] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Thanh M phải chịu 200.000 đồng, ông Lê Văn H và Dương Thị T1 cùng phải chịu 200.000 đồng. Ông Dương Thanh M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 50.000 đồng theo biên lai thu số 001130 ngày 26/3/2001, ông Lê Văn H và bà Dương Thị T1 tạm ứng án phí số tiền 50.000 đồng theo biên lai thu số 001131 ngày 26/3/2001 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H6, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ nên ông M còn phải nộp là 150.000 đồng; ông Lê Văn H và Dương Thị T1 cùng phải nộp là 150.000 đồng. Ông Đ không phải chịu án phí, ông Đ đã nộp 50.000 đồng theo biên lai thu số 000567 ngày 29/8/2000 và nộp 871.000 đồng theo bản án phúc thẩm số 06/2001/DS –PT ngày 24/9/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, tổng cộng là 921.000 đồng được hoàn lại đủ. Ông Hoàng Xuân H2, bà Chu Thị H1 không phải chịu 300.000 đồng. Ông H2 và bà H1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004345 ngày 11 tháng 07 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

[13] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Văn Đ; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H; chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; sửa một phần bản án sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[14] Án phí dân sự phúc thẩm ông Lê Văn H và Dương Thị T1 phải chịu theo quy định của pháp luật. Ông Phan Văn Đ không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 100 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 133, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/06/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn Đ, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ đối với ông Dương Thanh M về việc đòi lại quyền sử dụng đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 519,5m². Gồm 02 phần:

Phần thứ nhất: Diện tích 271,8m² nằm tại thửa số 1301 tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu do hộ ông Dương Thanh M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy ngày 21/10/2003. Phần đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp với đất ông Phan Văn Đ đang sử dụng là 11m.
- Hướng Tây giáp với Quốc lộ 1A là 8,55m.
- Hướng Nam giáp đất ông Hoàng Xuân H2 đang sử dụng là 27,79m.
- Hướng Bắc giáp với đất ông H, bà T1 đang sử dụng là 27,85m.

Phần thứ hai: Diện tích 247,7m² nằm tại thửa số 1975 tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu do bà Chu Thị H1 và ông Hoàng Xuân H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy ngày 07/10/2015. Phần đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp với đất ông Phan Văn Đ đang sử dụng là 9m.
- Hướng Tây giáp với Quốc lộ 1A là 9m.
- Hướng Nam giáp đất ông T3 đang sử dụng là 27,7m.
- Hướng Bắc giáp với đất ông Dương Thanh M đang sử dụng là 27,79m.

2. Buộc ông Dương Thanh M, Nguyễn Thị B và các thành viên trong gia đình ông M gồm ông Dương Thanh T3, chị Trần Thị T4, chị Dương Thị G, chị Dương Thị L1, bà Lê Thị Q cùng có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn Đ (ông Đ đại diện hộ gia đình nhận) giá trị thành tiền của phần đất diện tích 519,5m² (gồm phần đất thứ nhất và phần đất thứ hai như đã tuyên tại mục 1) với số tiền

1.246.080.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Công nhận phần đất diện tích 271,8m² (phần đất thứ nhất đã tuyên tại mục 1) cho hộ ông Dương Thanh M và bà Lê Thị Q được quyền quản lý, sử dụng.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hoàng Xuân H2 và bà Chu Thị H1 đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Trần Văn H3. Công nhận phần đất có diện tích 247, 7m² (phần đất thứ hai đã tuyên tại mục 1) cho ông Hoàng Xuân H2 và bà Chu Thị H1 được quyền quản lý sử dụng.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ đối với ông Lê Văn H và bà Dương Thị T1 về việc đòi lại quyền sử dụng đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 139,3m² tại thửa số 1302 tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu do hộ ông Lê Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy ngày 30/3/2003. Phần đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp với đất ông Phan Văn Đ đang sử dụng là 5m.
- Hướng Tây giáp với Quốc lộ 1A là 5m.
- Hướng Nam giáp đất ông Dương Thanh M đang sử dụng là 27,85m.
- Hướng Bắc giáp với đất bà Võ Anh Đ5 đang sử dụng là 27,9m.

6. Buộc ông Lê Văn H, bà Dương Thị T1 và các thành viên trong hộ gia đình ông H gồm anh Lê Đức T2, anh Lê Đức L, anh Lê Văn D, anh Lê Văn Đ, anh Lê Văn M1 cùng có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn Đ (ông Đ đại diện Hộ gia đình nhận) giá trị thành tiền của phần đất diện tích 139,3m² với số tiền là 334.320.000 đồng (ba trăm ba mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

7. Công nhận phần đất có diện tích 139,3m² (phần đất đã tuyên tại mục 5) cho hộ ông Lê Văn H và bà Dương Thị T1 được quyền quản lý, sử dụng.

8. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn Đ yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của: Hộ ông Dương Thanh M, sổ vào sổ cấp giấy 04225/QSDĐ/5481/2003 được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 21/10/2003 (đối với phần đất thứ nhất đã tuyên tại mục 1); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Xuân H2 và bà Chu Thị H1 số CB 122683 được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 07/10/2015 (đối với phần đất thứ hai đã tuyên tại mục 1); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn H số O 520924 được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 30/03/2000 (đối với phần đất đã tuyên tại mục 5).

9. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 3.000.000 đồng. Buộc ông M phải chịu 1.500.000 đồng; ông H và bà T1 cùng phải chịu 1.500.000 đồng. Ông Đ đã nộp 2.000.000 đồng, ông H đã nộp 1.000.000 đồng nên buộc ông M phải hoàn trả cho ông Đ 1.500.000 đồng, ông H và bà T1 cùng phải trả cho ông Đ 500.000 đồng.

10. Về án phí:

10.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Thanh M phải chịu án phí 200.000 đồng. Ông M đã nộp tạm ứng án phí 50.000 đồng theo biên lai thu số 001130 ngày 26/3/2001 tại Chi cục Thi hành án huyện H6, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, ông M còn phải nộp tiếp số tiền 150.000 đồng.

Ông Lê Văn H và Dương Thị T1 cùng phải chịu án phí 200.000 đồng. Ông H và bà T1 đã nộp tạm ứng án phí 50.000 đồng theo biên lai thu số 001131 ngày 26/3/2001 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H6, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ nên ông H và bà T1 cùng phải nộp tiếp số tiền 150.000 đồng.

Ông Đ không phải chịu án phí, ông Đ đã nộp tạm ứng án phí 50.000 đồng theo biên lai thu số 000567 ngày 29/8/2000 và 871.000 đồng theo bản án phúc thẩm số 06/2001/DS –PT ngày 24/9/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, nay được hoàn lại đủ là 921.000 đồng.

Ông Hoàng Xuân H2, bà Chu Thị H1 không phải chịu án phí. Ông Hoàng Xuân H2 và bà Chu Thị H1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004345 ngày 11 tháng 07 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

10.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng. Ông Lê Văn H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004485 ngày 26/09/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Ông Phan Văn Đ không phải chịu. Ông Phan Văn Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004486 ngày 02/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM (2b);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- TAND huyện V (1b);
- VKSND huyện V (1b);
- Chi cục THADS huyện V (1b);
- Các đương sự (10b);
- Lưu HS, TDS, THCTP.

Đã ký

Cao Thị Túy Giang